

Số: 471/BC-UBND

Thăng Bình, ngày 10 tháng 10 năm 2023

BÁO CÁO
Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách
địa phương quý III năm 2023

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Thực hiện Quyết định số 2927/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 của UBND huyện về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2023;

UBND huyện Thăng Bình công khai tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương quý III năm 2023, như sau:

I. VỀ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN

Dự toán giao: 1.263.185 triệu đồng.

Tổng thu cân đối ngân sách nhà nước quý III năm 2023 thực hiện 500.687 triệu đồng, đạt 39,64% so với dự toán, tăng 22,3% so với cùng kỳ. Trong đó:

- Thu nội địa: Dự toán được giao: 450.000 triệu đồng, thực hiện quý III năm 2023 thực hiện 74.330 triệu đồng, đạt 16,52% dự toán, tăng 11,76% so với cùng kỳ năm 2022.

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 412.193 triệu đồng, đạt 50,69% so với dự toán, tăng 20,29% so với cùng kỳ năm 2022.

- Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên: 14.164 triệu đồng.

II. VỀ CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Dự toán chi ngân sách địa phương năm 2023 được HĐND huyện giao 1.224.313 triệu đồng, thực hiện quý III năm 2023 là 500.687 triệu đồng, đạt 39,64% dự toán đầu năm và tăng 22,3% so với cùng kỳ năm 2022. Cơ bản các nhiệm vụ chi đều bám sát dự toán giao, trong đó:

Chi cân đối ngân sách địa phương: thực hiện quý III năm 2023 là 323.274 triệu đồng, đạt 26,4% dự toán HĐND huyện giao và tăng 7,3% so với cùng kỳ năm trước, cụ thể:

- Chi đầu tư phát triển: Thực hiện quý III năm 2023 là 121.125 triệu đồng, đạt 34,69% dự toán đầu năm và bằng 95,46% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi thường xuyên: thực hiện quý III năm 2023 là 202.150 triệu đồng, đạt 23,49% dự toán, tăng 15,91% so với cùng kỳ năm trước, các nhiệm vụ chi đều bám sát dự toán đầu năm.

(Chi tiết theo các Biểu số 93/CK-NSNN; 94/CK-NSNN; 95/CK-NSNN đính kèm)

UBND huyện công bố công khai để các cơ quan, đơn vị biết theo dõi, chỉ đạo và thực hiện./. 

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tài chính tỉnh;
- TT TU, HĐND, UBND TTQ VN huyện;
- Các phòng, Ban thuộc UBND huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trương Công Sơn

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ III NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số 41/BC-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2023 của UBND huyện Thăng Bình)

ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ III/2022	THỰC HIỆN QUÝ III/2023	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)		Ghi chú
					DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC	
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2	6
A	TỔNG THU NSNN	1.263.185	409.388	500.687	39,64	122,30	
I	Thu NSNN trên địa bàn	450.000	66.506	74.330	16,52	111,76	
1	Thu nội địa	450.000	66.506	74.330	16,52	111,76	
2	Thu viện trợ						
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		0	0			
III	Thu kết dư		0	0			
IV	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	813.185	342.653	412.193	50,69	120,29	
V	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên		229	14.164			
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	1.224.313	391.822	440.335	35,97	112,38	
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	1.224.313	301.285	323.274	26,40	107,30	
1	Chi đầu tư phát triển	349.120	126.883	121.125	34,69	95,46	
2	Chi thường xuyên	860.739	174.402	202.150	23,49	115,91	
3	Dự phòng ngân sách	14.454	0	0	-		
4	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương						
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh		89.882	116.805			
C	Tạm chi chưa đưa vào cân đối ngân sách		655	255			



THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ III NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số 481/BC-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2023 của UBND huyện Thăng Bình)

ĐVT: Triệu đồng

NỘI DUNG	Dự toán 2023	Thực hiện Quý III năm 2022	Thực hiện Quý III năm 2023	So sánh %	
				So với cùng kỳ	So với DT 2023
TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	1.263.185	409.388	500.687	122,30	39,64
A. TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	450.000	66.506	74.330	111,76	16,52
I. THU NỘI ĐỊA	450.000	66.506	74.330	111,76	16,52
1. Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	3.130	259	711	274,12	22,72
2. Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	30.700	6.271	8.864	141,35	28,87
3. Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	120.040	24.065	30.122	125,17	25,09
4. Lệ phí trước bạ	23.000	8.750	5.570	63,66	24,22
5. Thuế thu nhập cá nhân	45.820	9.498	8.518	89,68	18,59
6. Thuế bảo vệ môi trường	4.000	147	317	215,14	7,93
7. Thu phí, lệ phí	5.480	821	892	108,58	16,27
8. Các khoản thu về nhà, đất	200.100	15.140	9.450	62,42	4,72
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp	3.359				
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		207	605		
- Tiền sử dụng đất	194.241	13.606	8.402	61,75	4,33
- Thu tiền thuê đất, thuê mặt nước	2.500	1.327	443	33,42	17,74
9. Thu khác ngân sách	9.850	1.062	1.012	95,34	10,28
10. Thu hoa lợi công sản, thu từ quỹ đất công ích tại xã	-	288	192	66,60	
11. Thu cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước	1.880	74	37	50,05	1,97
12. Các khoản thu huy động, đóng góp	6.000	131	525	401,63	8,74
13. Tạm thu ngân sách			8.120	#DIV/0!	
B. THU CHUYỂN GIAO NGÂN SÁCH	813.185	342.882	426.357	124,34	52,43
I. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	813.185	342.653	412.193	120,29	50,69
1. Bổ sung cân đối	446.843	148.811	149.876	100,72	33,54
2. Bổ sung có mục tiêu	366.342	193.842	262.317	135,33	71,60
2.1. Bổ sung có mục tiêu bằng nguồn vốn trong nước	366.342	193.842	262.317	135,33	71,60
2.2. Bổ sung có mục tiêu bằng nguồn vốn ngoài nước					
II. Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên		229	14.164		
C. THU CHUYỂN NGUỒN					
D. THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH					

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ III NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số 41/BC-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2023 của UBND huyện Thăng Bình)

ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ III/2022	THỰC HIỆN QUÝ III/2023	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)		GHI CHÚ
					DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ CÁC NĂM TRƯỚC	
A	B	1	2	3	4	5	6
	TỔNG CHI NSDP (A+B)	1.224.313	391.822	440.335	35,97	112,38	
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	1.224.313	301.285	323.274	26,40	107,30	
I	Chi đầu tư phát triển	349.120	126.883	121.125	34,69	95,46	
1	Chi đầu tư XDCB	148.879	113.277	112.723	75,71	99,51	
2	Chi từ nguồn thu tiền sử đất	194.241	13.606	8.402	4,33	61,75	
3	Chi từ nguồn thu tiền đóng góp khác	6.000			-		
II	Chi thường xuyên	860.739	174.402	202.150	23,49	115,91	
	<i>Trong đó:</i>						
1	Chi quốc phòng	17.319	3.985	5.375	31,03	134,87	
2	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội	5.585	1.144	1.639	29,35	143,34	
3	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	341.317	68.684	81.043	23,74	117,99	
4	Chi khoa học và công nghệ						
5	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	14.452	2.457	4.696	32,50	191,11	
6	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	6.854	761	829	12,10	108,91	
7	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	3.264	471	772	23,64	163,67	
8	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	2.760	460	499	18,07	108,38	
9	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	5.850	1.218	1.457	24,91	119,61	
10	Chi sự nghiệp kinh tế	150.858	11.438	13.996	9,28	122,36	
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	167.908	39.201	50.066	29,82	127,72	
12	Chi bảo đảm xã hội	141.510	41.131	40.989	28,97	99,66	
13	Chi khác	3.062	3.451	790	25,78	22,88	
III	Dự phòng ngân sách	14.454			-		
IV	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương						
B	Chi chuyển giao ngân sách	0	89.882	116.805			
1	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	0	89.653	90.679			
2	Chi nộp ngân sách cấp trên		229	26.126			
C	Chi chuyển nguồn						
D	Tạm chi chưa đưa vào cân đối ngân sách		655	255			